

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/DS-ST
Ngày: 26/8/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay
tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Ông Nguyễn Văn Mến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Quốc- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023; về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2023/QĐXX-ST ngày 07/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn P**, sinh năm 1960. ĐKTT: Số 100/2 đường K, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn:

1. Ông **Võ Hoàng H**, sinh năm 1978. Vắng mặt.

2. Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1977. Vắng mặt.

ĐKTT: Số 230A khu vực H, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 của nguyên đơn là ông Phạm Văn P và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/11/2014, vợ chồng ông Võ Hoàng H và bà Phạm Thị N có vay của ông số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để trả tiền mua bán trái cây và cam kết 05 ngày sau, đến ngày 05/11/2014 sẽ trả đủ, không có tính lãi. Ông H và bà N có viết biên nhận nợ cho ông.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Đến hạn bị đơn không trả được nợ theo cam kết nên vợ chồng bị đơn xin ông cho vay tiếp và sẽ trả lãi cho ông; tuy nhiên, các bên không có thoả thuận rõ mức lãi suất. Sau đó, bị đơn có trả lãi cho ông nhiều lần, mỗi lần từ 1.000.000đ – 2.000.000đ; tính đến cuối năm 2015, ông đã nhận tiền lãi được tổng cộng 18.000.000đ.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Võ Hoàng H, bà Phạm Thị N phải trả số tiền: nợ gốc: 50.000.000đ + lãi 2%/tháng từ tháng 11/2014 đến khi thanh toán nợ, trừ lại tiền lãi đã nhận là 18.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Võ Hoàng H và bà Phạm Thị N vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về tiền lãi, cụ thể: yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu 50.000.000đ và tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ lúc vay đến khi bị đơn thanh toán tất nợ, đồng ý trừ lại tiền lãi đã nhận 18.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Xét thấy: Ông Võ Hoàng H và bà Phạm Thị N có ký biên nhận mượn tiền ngày 01/11/2014, thể hiện có vay của ông Phạm Văn P số tiền 50.000.000đ, cam kết 05 ngày sau sẽ trả đủ, không có tính lãi. Hết thời hạn thoả thuận, nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận sẽ tính lãi số tiền vay này; tuy nhiên, các bên không có thoả thuận mức lãi suất rõ ràng và không có thoả thuận thời hạn trả. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn tổng cộng là 18.000.000đ thì ngưng không trả lãi nữa. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ vay 50.000.000đ và lãi theo quy định pháp luật, trừ lại tiền lãi đã nhận 18.000.000đ là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Xét mối quan hệ pháp luật:** Đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay nợ gốc còn thiếu 50.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật từ lúc vay đến khi thanh toán tất nợ;** Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn có cung cấp được “Biên nhận mượn tiền” ngày 01/11/2014 (Bút lục số 55), thể hiện nội dung vợ chồng ông Võ Hoàng H và bà Phạm Thị N có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000đ và cam kết 05 ngày sau, đến ngày 05/11/2014 sẽ trả đủ.

Hết thời hạn cam kết, bị đơn không trả được nợ nên thoả thuận sẽ trả lãi cho nguyên đơn; thấy rằng: như vậy từ ngày 06/11/2014, giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản mới và đây là hợp đồng vay không có thời hạn, có tính lãi nhưng không thoả thuận mức lãi suất rõ ràng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn đến khoảng cuối năm 2015 được tổng cộng 18.000.000đ thì ngưng cho đến nay không thanh toán lãi và vốn cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng vay tài sản nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay nợ gốc còn thiếu và lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền vốn gốc còn thiếu 50.000.000đ. Về tiền lãi được xác định như sau:

Tiền lãi từ ngày 06/11/2014 đến ngày 31/12/2016 được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005:

$$50.000.000\text{đ} \times 25 \text{ tháng} \times 9\%/\text{năm} = 9.675.000\text{đ}.$$

Tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

$$50.000.000\text{đ} \times 06 \text{ năm} \times 10\%/\text{năm} = 33.277.800\text{đ}.$$

Tổng cộng tiền lãi bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật:

$$9.675.000\text{đ} + 33.277.800\text{đ} = 42.952.800\text{đ}.$$

Trừ lại tiền lãi nguyên đơn đã nhận: 18.000.000đ = 24.952.800đ. Tổng cộng, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn: vốn gốc 50.000.000đ + lãi: 24.952.800đ = 74.952.800đ và lãi chậm trả kể từ ngày 27/8/2023 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí: $74.952.800\text{đ} \times 5\% = 3.747.600\text{đ}.$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474, khoản 2 Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.
- Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.
- Điều 12, 14, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Văn P.

Buộc ông Võ Hoàng H và bà Phạm Thị N phải trả cho ông Phạm Văn P số tiền 74.952.800đ (Bảy mươi bốn triệu chín trăm năm mươi hai ngàn tám trăm đồng); (Trong đó: vốn gốc 50.000.000đ + lãi 24.952.800đ) và lãi chậm trả kể từ ngày 27/8/2023 đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. **Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm:**

Ông Võ Hoàng H và bà Phạm Thị N phải chịu án phí: 3.747.600đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm đồng).

Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

3. **Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. **Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:** Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. C;
- Chi cục T.H.A Q. C;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

